

Số: 54/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 21 tháng 9 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách tỉnh năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 12 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài
chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023*

*Căn cứ Công điện số 749/CD-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước
năm 2023; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng
nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công
nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023; Nghị quyết số 03/NQ-
HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh,
bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách tỉnh năm 2023;
Báo cáo thẩm tra số 86/BC-KTNS ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm
2023, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2022 kéo dài sang năm 2023:

- Nguồn vốn đầu tư tập trung: Điều chỉnh, bổ sung 42.474,878 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: Điều chỉnh, bổ sung 35.390,431 triệu đồng.
- Nguồn xổ số kiến thiết: Điều chỉnh, bổ sung 975,343 triệu đồng.
- Nguồn hoàn trả ngân sách tỉnh: Điều chỉnh, bổ sung 2.193,104 triệu đồng.
- Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp: Điều chỉnh, bổ sung 9.097,799 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo)

2. Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2023:

- Nguồn vốn đầu tư tập trung: Điều chỉnh, bổ sung 32.963,356 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: Điều chỉnh, bổ sung 61.953,9 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo)

3. Phân bổ chi tiết vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023:

Phân bổ 30.000 triệu đồng vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh năm 2023 cho 07 huyện, thị xã để hỗ trợ các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 12 (kỳ họp chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2023.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- TT. Tỉnh ủy (b/cáo); TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH Kéo dài năm 2022 sang năm 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH									
I	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG									
	<i>Điều chỉnh giảm</i>							-42.474,878		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Liên	UBND huyện Văn Canh					54,000	-54,000	0,000	
2	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Hòa	UBND huyện Văn Canh					54,000	-54,000	0,000	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Quang	UBND huyện Tuy Phước					54,000	-54,000	0,000	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Thắng	UBND huyện Tuy Phước					54,000	-54,000	0,000	
5	Trụ sở làm việc công an xã Hoài Châu Nhơn	UBND tx Hoài Nhơn					54,000	-54,000	0,000	
6	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Vinh	UBND huyện Văn Canh					54,000	-54,000	0,000	
7	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Hiền	UBND huyện Văn Canh					54,000	-54,000	0,000	
8	Trụ sở làm việc công an xã Hoài Hải	UBND tx Hoài Nhơn					54,000	-54,000	0,000	
9	Nhà làm việc Ban CHQS xã Cát Nhơn	UBND huyện Phù Cát					133,000	-133,000	0,000	
10	Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh	Ban GPMB					171,889	-171,889	0,000	
11	HTKT khu Đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hoa	Ban QLDA XD DD&CN	21/NQ-HĐND ngày 20/7/2022	228.808,000	228.808,000		64,487	-64,487	0,000	
12	Cải tạo hang động tự nhiên	BCH QS Tỉnh					120,000	-120,000	0,000	
13	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Sở Y tế					30,000	-30,000	0,000	
14	Trạm kiểm soát biên phòng Mũi Tấn thuộc Đồn biên phòng Cửa khẩu cảng Quy Nhơn	BCH BD Biên Phòng	312/QĐ-SKHĐT; 11/11/2021	5.000,000	5.000,000	5.000,000	1,390	-1,390	0,000	
15	Trạm kiểm soát BP Cát Tiên thuộc Đồn BP Cát Khánh (316)	BCH BD Biên Phòng	313/QĐ-SKHĐT; 11/11/2021	4.895,644	4.895,644	5.000,000	1,341	-1,341	0,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
16	Phục hồi và QL bền vững rừng phòng hộ (DA JICA2) BĐ	Sở NN&PTNT				2.250,000	20,700	-20,700	0,000	
17	Xây dựng trụ sở HĐND và UBND thị trấn Diêu Trì	UBND huyện Tuy Phước	176/QĐ-SKHĐT; 18/9/2017 113/QĐ-SKHĐT; 17/6/2022	4.910,212	1.207,137	1.207,000	9,270	-9,270	0,000	
18	Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1824/QĐ-UBND; 8/6/2022	59.470,036	9.470,036	10.000,000	4.833,100	-4.833,100	0,000	
19	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bãi biển QN KV dọc tuyến đường Xuân Diệu và An Dương Vương	UBND tp Quy Nhơn	2373/QĐ-UBND; 17/6/2020	24.059,360	10.592,799	9.713,000	879,513	-879,513	0,000	
20	Trồng cây hoa Anh đào, cây Mai anh đào, cây Phượng tím tại Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn	Sở NN&PTNT	212/QĐ-SKHĐT; 19/7/2021	4.351,988	4.351,988	4.387,000	100,000	-41,667	58,333	
21	Trụ sở làm việc VP Đoàn đại biểu Quốc và Hội đồng nhân dân tỉnh	VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	2537/QĐ-UBND; 11/08/2022 1329/QĐ-UBND; 24/4/2023	94.468,151	94.468,151	75.000,000	22.000,000	-22.000,000	0,000	
22	Nhà làm việc Liên Minh hợp tác xã tỉnh	Liên minh HTX	5072/QĐ-UBND; 20/12/2021	7.000,000	7.000,000	7.000,000	3.000,000	-3.000,000	0,000	
23	Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1257/QĐ-UBND; 19/4/2022	25.000,000	25.000,000	25.000,000	12.500,000	-5.186,521	7.313,479	
24	Cải tạo, sửa chữa nhà khoa Khám Bệnh viện đa khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	2329/QĐ-UBND; 27/07/2022	38.846,570	38.846,570	36.000,000	2.500,000	-2.500,000	0,000	
25	Cắm mốc giới bảo vệ các di tích gốc thuộc Khu vực di tích Thành Hoàng Đế, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Sở VH&TT	219/QĐ-SKHĐT; 14/11/2022	660,439	660,439	1.000,000	50,000	-50,000	0,000	
26	Trường Trung học cơ sở Phước Mỹ	UBND tp Quy Nhơn	682/QĐ-UBND; 8/3/2023	22.174,248	5.240,511	2.000,000	1.000,000	-1.000,000	0,000	
27	Làng hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tỉnh Bình Định	Sở Kế hoạch và Đầu tư				9.712,000	200,000	-200,000	0,000	
28	Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải Trường THPT Hùng Vương	Sở GD&ĐT				40.000,000	1.000,000	-1.000,000	0,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
29	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao	Sở VH&TT	3586/QĐ-UBND; 02/11/2022 1792/QĐ-UBND; 23/5/2023	9.852,429	9.852,429	5.800,000	150,000	-150,000	0,000	
30	Tu bổ, tôn tạo di tích Những địa điểm ghi lại tội ác của quân Nam Triều Tiên tàn sát nhân dân từ ngày 02/02/1966 đến ngày 26/02/1966 tại Bình An	Sở VH&TT	1240/QĐ-UBND; 18/4/2023	13.461,322	13.461,322	10.000,000	200,000	-200,000	0,000	
31	Sửa chữa, tu bổ, khắc phục xuống cấp cơ sở hạ tầng tại di tích Tháp Dương Long và di tích Tháp Cảnh Tiên	Sở VH&TT	370/QĐ-UBND; 28/1/2022	2.099,899	2.099,899	2.100,000	100,000	-100,000	0,000	
32	Chống xuống cấp, tu bổ và phát huy giá trị di tích Quốc gia Tháp Thủ Thiệp	Sở VH&TT	390/QĐ-UBND; 13/02/2023	5.967,000		5.967,000	250,000	-250,000	0,000	
33	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Du lịch	Sở Du lịch					100,000	-100,000	0,000	
								42.474,878		
	Điều chỉnh tăng									
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (Tuyến đường Tài Lương - Ca Công và tuyến đường Bình Chương - Hoài Mỹ), huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã Hoài Nhơn)	UBND tx Hoài Nhơn	3990 ngày 28/9/2020, 1250 ngày 18/4/2021	283.852,001	87.951,965	64.762,000		4.390,410	4.390,410	
2	Xây dựng khu tái định cư di dời khẩn cấp các hộ dân sống trong vùng sạt lở tại núi Cẩm, thôn Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát	UBND huyện Phù Cát	2633/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	32.000,000	17.220,000	15.000,000		2.000,000	2.000,000	
3	Xây dựng cầu vượt lù Hiệp Định	UBND huyện Hoài Ân	447/QĐ-UBND 13/02/2022	33.595.000	20.251,000	15.483,000		8.483,000	8.483,000	
4	Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629	UBND huyện Hoài Ân	2926/QĐ-UBND 09/9/2022	53.196.000	26.255,000	21.000,000	0,000	5.458,000	5.458,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Mực Kiến (ĐT 638) đi trung tâm xã ĐakMang	UBND huyện Hoài Ân	429/QĐ-UBND 11/02/2022	68.524,000	39.631,000	39.631,000		4.611,154	4.611,154	
6	Xây dựng mới nhà làm việc 2A- Trần Phú, TP Quy Nhơn	Văn phòng Tỉnh ủy	3768/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	144.420,000	144.420,000	76.400,000	0,000	4.300,000	4.300,000	
7	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Công Thương Bình Định	Sở Công Thương	Quyết định số 2890/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh	9.937,659	9.937,659	9.000,000	100,000	4.000,000	4.100,000	
8	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát	TT nước sạch và VSMTNT	Số 1207/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 và số 527/QĐ-NSNT ngày 26/11/2021	66.467,118	64.724,652	64.000,000		9.232,314	9.232,314	
II	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT									
	Điều chỉnh giảm							-35.390,431		
1	Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh	TTPT Quỹ đất					7,074	-7,074	0,000	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	TTPT Quỹ đất					12,051	-3,181	8,870	
3	Đường Ngô Mây Nổi Dải	UBND tp Quy Nhơn					10.181,463	-10.181,463	0,000	
4	HTKT Khu đất XN Song mây XK, phần viện điều tra QH rừng NTB và Tây Nguyên	TTPT Quỹ đất					70,961	-70,961	0,000	
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất phía Bắc khu Nhà ở xã hội Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	TTPT Quỹ đất					1.913	-1.913	0,000	
6	Đầu tư XD cầu dân sinh và Quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	Sở GTVT	Quyết định số 462/QĐ-BGTVT	202.420,000	9.250,000	2.014,000	334.843	-334.843	0,000	
7	Hoàn thiện hiện đại hóa hồ sơ bản đồ địa giới hành chính	Sở Nội vụ	918/QĐ-UBND	21.190,000	17.290,000	6.300,000	258,000	-0.444	257,556	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	Nâng cấp, sửa chữa nhà thi đấu thể thao tỉnh	Sở VH&TT	269/QĐ-SKHĐT; 30/10/2017 169/QĐ-SKHĐT; 13/7/2020	5.989,905	5.989,905	831,000	302,294	-302,294	0,000	
9	Xây dựng chợ Trung tâm xã Canh Hiệp, huyện Văn Canh	UBND huyện Văn Canh	76/QĐ-SKHĐT; 09/5/2019 142/QĐ-SKHĐT; 10/5/2021	10.394,184	7.094,000	7.094,000	25,062	-25,062	0,000	
10	CT XD hành lang cầu nối kết nối toàn bộ khoa, phòng, sân vườn đường nội bộ khuôn viên BVĐK tỉnh Bình Định	BVĐK tỉnh	300/QĐ-SKHĐT; 05/11/2020	14.976,357	14.976,357	6.767,000	1.169,033	-247,796	921,237	
11	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định - HM: Cải tạo sửa chữa Nhà mổ thuộc khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức	BVĐK tỉnh	29/QĐ-SKHĐT; 22/01/2021	14.778,454	14.778,454	12.691,000	442,506	-232,733	209,773	
12	Trạm kiểm dịch động vật Cù Mông	Sở NN&PTNT	267/QĐ-SKHĐT; 20/10/2020 191/QĐ-SKHĐT; 22/6/2021	4.505,977	4.505,977	3.140,000	29,000	-4,894	24,106	
13	BVĐK KV Bồng Sơn, HM: SC, cải tạo, NC khoa phụ sản, khoa Nhi	Sở Y tế	32/QĐ-SKHĐT; 14/3/2022	14.958,951	14.958,951	4.391,000	336,436	-229,679	106,757	
14	Trồng cây hoa Anh đào, cây Mai anh đào, cây Phượng tím tại Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn	Sở NN&PTNT	212/QĐ-SKHĐT; 19/7/2021	4.351,988	4.351,988	4.387,000	81,746	-81,746	0,000	
15	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	Sở Y tế	3729/QĐ-UBND 10/10/2017; 3455/QĐ-UBND 21/8/2020	81.360,000	11.589,000	11.589,000	5.543,081	-5.178,768	364,313	
16	Xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở TN&MT	240/QĐ-SKHĐT; 16/8/2021 70/QĐ-SKHĐT; 06/05/2022	6.377,981	6.377,981	6.058,000	463,953	-273,525	190,428	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
17	Trạm Y tế Thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	UBND huyện Tuy Phước	60/QĐ-SKHĐT; 24/2/2021	3.700,097	1.556,681	1.660,000	1.000,000	-1.000,000	0,000	
18	Ứng dụng CNTT trong HĐ các cơ quan Đảng, GD 2021 - 2025 (lưu trữ lịch sử Đảng)	VP Tỉnh ủy	156/QĐ-SKHĐT; 26/5/2021	11.505,687	11.505,687	11.537,000	1.100,000	-1.100,000	0,000	
19	Trụ sở làm việc Trạm Kiểm lâm Đồng Le, huyện Tây Sơn	Sở NN&PTNT	258/QĐ-SKHĐT; 07/9/2021	1.148,330	1.148,330	1.030,000	10,602	-10,602	0,000	
20	Cải tạo cơ sở thực hành số 20 Trần Thị Kỳ, An Nhơn thuộc Trường cao đẳng BĐ	Trường CĐ Bình Định	153/QĐ-SKHĐT; 24/5/2021 45/qđ-skhdt; 04/04/2021	8.269,111	8.269,111	8.500,000	313,099	-313,099	0,000	
21	Trạm Kiểm lâm Bắc sông Kôn	Sở NN&PTNT	256/QĐ-SKHĐT; 31/10/2019	947,581	947,581	902,000	3,749	-3,749	0,000	
22	XD tuyến đường Ven Biển (ĐT 639) đoạn từ QL 1D đến - QL 19 mới	Ban QLDA GT tỉnh	2914/QĐ-UBND; 08/9/2022	1.490.101,151	890.101,151	250.000,000	19.439,063	-22,644	19.416,419	
23	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	Sở TTTT	4003/QĐ-UBND; 30/9/2021	27.000,000	27.000,000	27.000,000	94,728	-94,728	0,000	
24	Sửa chữa nhà làm việc 2B Trần Phú	VP Tỉnh ủy	236/QĐ-SKHĐT; 10/8/2021	14.886,475	14.886,475	14.892,000	457,432	-457,432	0,000	
25	Khắc phục, SC đảm bảo đi lại tuyến đường Canh Thuận Canh Liên, Vân Canh	Sở GTVT	160/QĐ-SKHĐT; 31/5/2021	10.998,849	7.498,849	7.311,289	0,973	-0,973	0,000	
26	Trường Chính trị tỉnh (Khu hiệu bộ, Trang thiết bị, Hội trường 3 tầng, Khu nội trú, sân trường..)	Trường Chính trị tỉnh	807/QĐ-UBND; 15/3/2022	11.500,000	11.500,000	11.500,000	3.500,000	-710,603	2.789,397	
27	Sửa chữa, chống thấm dột sàn, thay mái tôn và sửa chữa khu vệ sinh các khoa Ngoại TN, Ngoại TH, Ngoại CT - bỏng và khoa UB khu nhà 300 giường thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	227/QĐ-SKHĐT; 29/11/2022	3.353,930	3.353,930	3.185,000	0,225	-0,225	0,000	
28	Cải tạo sửa chữa nhà 04 Trần Phú	VP Tỉnh ủy	3866/QĐ-UBND; 22/11/2022	11.218,954	11.218,954	7.000,000	1.000,000	-1.000,000	0,000	
29	Hỗ trợ đầu tư hợp tác bên Lào	Sở Kế hoạch và Đầu tư				7.500,000	1.500,000	-1.500,000	0,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
30	SC, NC nhà làm việc Văn Phòng Tỉnh Ủy - 102 Nguyễn Huệ	VP Tỉnh ủy	1172/QĐ-UBND; 12/4/2023	30.234,345	30.234,345	30.000,000	5.000,000	-5.000,000	0,000	
31	Ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng 2021-2025 (DA 27)	VP Tỉnh ủy	3715/QĐ-UBND; 10/11/2022	34.676,000	34.676,000	34.000,000	7.000,000	-7.000,000	0,000	
	Điều chỉnh tăng							35.390,431		
1	Dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đê Gi - Mỹ Thành	Ban QLDA GT	3917/QĐ-UBND; 29/10/2019 3756/QĐ-UBND; 10/9/2021 3674/QĐ-UBND; 08/11/2022	611.654,000	355.273,000	310.000,000		4.390,431	4.390,431	
2	Dự án Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Văn	Ban QLDA GT	4486/QĐ-UBND; 30/10/2020	519.798,934	519.798,934	445.199,000	24.109,103	16.000,000	40.109,103	
3	Dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	Ban QLDA GT	3833/QĐ-UBND; 16/9/2021 2768/QĐ-UBND; 26/8/2022 3191/QĐ-UBND; 2/10/2022	786.082,279	386.082,279	265.927,000	7.291,753	10.000,000	17.291,753	
4	Dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	Ban QLDA GT	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022 29/NQ-HĐND; 14/7/2023	1.171.000,000	371.000,000	211.995,000	0,000	5.000,000	5.000,000	
III	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT									
	Điều chỉnh giảm							-975,343		
1	Sửa chữa, CT Khoa sản và khoa nhi sơ sinh thuộc BVĐK tỉnh BD	BVĐK tỉnh	172/QĐ-SKHĐT; 22/7/2020	12.622,297	12.622,297	7.012,000	3,378	-3,378	0,000	
2	Trường mầm non Canh Liên (HM: Xây dựng 03 phòng học; Nhà hiệu bộ; Nhà ăn; nhà bếp; Khu vệ sinh; Sân bê tông - Cổng ngõ, tường rào)	UBND huyện Văn Canh	250/QĐ-SKHĐT; 30/8/2021	6.352,781	3.205,818	7.190,000	1.500,000	-954,602	545,398	



STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Cải tạo, sửa chữa khu nhà Nội - Nhi Bệnh viện đa khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	225/QĐ-SKHĐT; 24/11/2022	14.995,000	14.995,000	14.995,000	2.495,923	-17,363	2.478,560	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>							975,343		
1	Trường THCS Cát Tái, hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	UBND huyện Phù Cát	2549/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	6.622,000	2.875,000	2.875,000		92,000	92,000	
2	Dự án Xây dựng, sửa chữa Trung tâm GDNN Bình Định	Sở LĐ, TB, XH	180/QĐ-SKHĐT ngày 03/10/2022	13.789,000	13.789,000	13.056,000		883,343	883,343	
IV	NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH									
	<i>Điều chỉnh giảm</i>							-2.193,104		
1	Đầu tư XD HTKT khu TDC HH1, HH2 tại KV 1 P.Trần Quang Diệu TP QN	TTPT Quý đất					41,304	-41,304	0,000	
2	Các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh	Hết nv					2.151,800	-2.151,800	0,000	
	<i>Điều chỉnh tăng</i>							2.193,104		
1	Mở rộng nâng cấp Bảo tàng Quang Trung, hạng mục: Khu đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt	Ban QLDA DD & CN	252/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; 765/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 và 199/QĐ-BQLDA ngày 03/10/2022	59.696,000	59.696,000	14.760,000		2.193,104	2.193,104	
V	Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp									
	<i>Điều chỉnh giảm</i>							-9.097,799		
1	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Liên	UBND huyện Văn Canh					1.140,000	-1.140,000	0,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Quang	UBND huyện Tuy Phước					513,000	-513,000	0,000	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Phước Thắng	UBND huyện Tuy Phước					513,000	-513,000	0,000	
4	Tuyến đường Quốc lộ 19 (cảng QN đến giao Quốc lộ 1A)	Ban QLDA GT	2000/QĐ-UBND; 18/9/2012 1373/QĐ-UBND; 24/4/2018	4.410.816,000	1.323.816,000	967.360,114	5,165	-5,165	0,000	
5	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	TTPT Quỹ đất					22,380	-22,380	0,000	
6	Đường ven biển DT 639 đoạn từ Cát tiến đến Dê Ghi	Ban QLDA GT	1338/QĐ-UBND; 18/4/2019 3975/QĐ-UBND; 25/9/2020 905/QĐ-UBND; 23/3/2022	1.355.000,000	1.147.321,000	696.747,000	500,059	-40,973	459,086	
7	III KT Khu đất XN Song mây XK, phân viện điều tra QH rừng NTB và Tây Nguyên	TTPT Quỹ đất					18,774	-18,774	0,000	
8	Đường điện biên phủ nối dài đến khu đô thị Diêm Văn	Ban QLDA GT	4486/QĐ-UBND; 30/10/2020	519.798,934	519.798,934	445.199,000	12.019,094	-2,326	12.016,768	
9	Sửa chữa Sân Vận động Quy Nhơn	Sở VH&TT	3472/QĐ-UBND; 20/8/2021	18.136,811	18.136,811	18.136,000	1,695	-1,695	0,000	
10	Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	Ban QLDA GT	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022	795.558,661	795.558,661	211.995,000	3,116	-3,116	0,000	
11	Trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh An - Tây Sơn	UBND huyện Tây Sơn					1.140,000	-1.110,954	29,046	
12	Trụ sở làm việc Công an xã Tây Thuận - Tây Sơn	UBND huyện Tây Sơn					718,000	-718,000	0,000	
13	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Thuận - Tây Sơn	UBND huyện Tây Sơn					718,000	-718,000	0,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	KH vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Thọ	UBND huyện Phù Mỹ					513,000	-513,000	0,000	
15	Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Quang	UBND huyện Phù Mỹ					513,000	-513,000	0,000	
16	Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Cát	UBND huyện Phù Mỹ					513,000	-513,000	0,000	
17	Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Thắng	UBND huyện Phù Mỹ					513,000	-513,000	0,000	
18	Trụ sở làm việc Công an xã Canh Vinh	UBND huyện Vân Canh					1.140,000	-1.007,416	132,584	
19	Trụ sở làm việc công an xã Nhơn Hậu	UBND tx An Nhơn					513,000	-513,000	0,000	
20	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Thành	UBND huyện Tây Sơn					718,000	-718,000	0,000	
	Điều chỉnh tăng							9.097,799		
1	Dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	Ban QLDA GT	3833/QĐ-UBND; 16/9/2021 2768/QĐ-UBND; 26/8/2022 3191/QĐ-UBND; 2/10/2022	786.082,279	386.082,279	265.927,000		9.097,799	9.097,799	

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn NST năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn NST năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG									
*	<i>Điều chỉnh giảm</i>							-32,963,356		
1	Trần phân lũ phía bờ tả sông An Tượng (phía thượng lưu, vùng trũng Lỗ Ổi), thị xã An Nhơn	UBND TX An Nhơn	4011/QĐ-UBND; 30/10/2019 4011/QĐ-UBND; 30/10/2019 5051/QĐ-UBND; 12/12/2021 3374/QĐ-UBND; 17/8/2020 3855/QĐ-UBND; 18/9/2020	24.953,917	4.532,000	3.873,000	2.373,000	-193,034	2.179,966	
2	Kho lưu trữ chuyên dụng Bình Định	Sở Nội vụ	143/QĐ-SKHĐT ngày 26/7/2022	3.761,210	3.716,000	3.000,000	600,000	-208,000	392,000	
3	Làng nghề tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn - Hạng mục xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung	UBND TX An Nhơn	255/QĐ-UBND; 21/01/2020	13.626,643	3.614,342	3.614,000	2.414,000	-1.207,000	1.207,000	
4	Nhà làm việc Liên Minh hợp tác xã tỉnh	LM HTX	5072/QĐ-UBND; 20/12/2021	7.000,000	7.000,000	7.000,000	1.000,000	-1.000,000	0,000	
5	Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KH&ĐT	1824/QĐ-UBND; 8/6/2022	59.470,036	9.470,036	10.000,000	5.000,000	-1.500,000	3.500,000	
6	Cải tạo, sửa chữa nhà khoa Khám Bệnh viện đa khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	2329/QĐ-UBND; 27/07/2022	38.846,570	38.846,570	36.000,000	6.800,000	-4.760,000	2.040,000	
7	Ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng 2021-2025 (ĐA 27)	VPTU	3715/QĐ-UBND; 10/11/2022	34.676,000	34.676,000	34.000,000	4.000,000	-2.800,000	1.200,000	
8	Trồng cây hoa Anh đào, cây Mai anh đào, cây Phượng tím tại Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn	Sở NN&PTNT	212/QĐ-SKHĐT; 19/7/2021	4.351,988	4.351,988	4.387,000	750,000	-323,852	426,148	
9	Đập ngăn mặn An Mỹ	UBND huyện Phù Mỹ	3305/QĐ-UBND; 10/10/2022	80.000,000	30.709,328	32.100,000	6.000,000	-3.000,000	3.000,000	
10	Cầu Bàn Xoài - Phước Nghĩa	UBND huyện Tuy Phước	4092/QĐ-UBND; 6/12/2022	22.497,728	8.859,955	10.000,000	3.550,000	-1.775,000	1.775,000	
11	Nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Cát Trinh và Cát Tân, huyện Phù Cát	UBND huyện Phù Cát	3373/QĐ-UBND; 13/8/2021	36.999,999	13.000,000	13.000,000	6.000,000	-3.000,000	3.000,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mỗi giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn NST năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn NST năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	TT NS và VSMT nông thôn	4073/QĐ-UBND; 5/12/2022	74.852,698	54.612,698	54.613,000	9.000,000	-3.870,941	5.129,060	
13	Nhà làm việc UBND thị trấn Bồng Sơn	UBND TX Hoài Nhơn	4867/QĐ-UBND; 06/12/2021 3540/QĐ-UBND; 31/10/2022	44.789,518	12.000,000	12.000,000	8.000,000	-2.328,042	5.671,958	
14	Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở KH&ĐT	1257/QĐ-UBND; 19/4/2022	25.000,000	25.000,000	25.000,000	10.000,000	-6.000,000	4.000,000	
15	Xây dựng mới nhà đặt máy gia tốc xạ trị thuộc khoa Ung bướu Bệnh viện đa khoa tỉnh	BVĐK tỉnh	239/QĐ-SKHĐT; 15/12/2022	13.707,158	13.707,158	13.900,000	1.900,000	-944,488	955,512	
16	Trường TH số 1 Bồng Sơn (HM: Nhà lớp học, nhà bộ môn 2 tầng 14 phòng)	UBND TX Hoài Nhơn	46/QĐ-SKHĐT; 21/3/2023	11.027,403	3.782,186	2.500,000	106,000	-53,000	53,000	
*	Điều chỉnh tăng							32.963,356		
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (Năm Tân) đến ĐT.639 tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 (chợ Bông) đến ĐT.638 và tuyến đường từ cầu Chui Quốc lộ cũ (Hoài Châu Bắc) đến đường bê tông Trường Xuân Đông (Tam Quan Bắc), thị xã Hoài Nhơn	UBND TX Hoài Nhơn	972/QĐ-UBND; 31/03/2023	150.000,000	39.956,900	40.000,000		11.367,356	11.367,356	
2	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát	TT NS và VSMT nông thôn	1207/QĐ-SKHĐT; 06/4/2021	66.467,118	64.724,652	64.000,000	14.000,000	3.000,000	17.000,000	
3	Nâng cấp nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	TT NS và VSMT nông thôn	77/QĐ-SKHĐT; 21/4/2023	8.450,719	5.000,000	5.000,000	400,000	3.500,000	3.900,000	
4	Công trình: Cải tạo, sửa chữa cảng cá Đề Gi	Sở NNPTNT	1343/QĐ-UBND; 24/4/2023	4572,850	4572,850	731,000	100,000	731,000	831,000	
5	Nâng cấp, mở rộng đường tránh xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ	UBND huyện Phù Mỹ	1646/QĐ-UBND; 26/5/2022	29.776,826	13.368,271	13.364,000		5.000,000	5.000,000	
6	Dự án Xây dựng, sửa chữa Trung tâm GDNN Bình Định	Sở LĐTBXH	180/QĐ-SKHĐT; 3/10/2022	13.788,761	13.788,761	13.055,931		1.578,000	1.578,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn NST năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn NST năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Dự án Bể bơi lớn (bể bơi huấn luyện và thi đấu) tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh (HM: Hệ thống máy lọc tuần hoàn bể bơi; Cải tạo, sửa chữa hạ tầng cảnh quan khuôn viên bể bơi; Cải tạo, sửa chữa Nhà điều hành bể bơi và các hạng mục phụ trợ)	Sở VH TT	169/QĐ-SKHĐT; 12/9/2022	10.070,990	10.070,990	10.500,000		4.000,000	4.000,000	
8	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương (đoạn từ ngã ba Ông Thọ đến cầu Sông Ngang	UBND tp Quy Nhơn	3268/QĐ-UBND 25/9/2018	65.343,000	32.671,500	1.938,000		1.938,000	1.938,000	
9	Đường liên huyện Phú Cát - thị xã An Nhơn, nối từ đường trục Khu Kinh tế nổi dài (xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát) đến tỉnh lộ ĐT.631 (xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn)	UBND huyện Phú Cát	2300/QĐ-UBND; 10/6/2021; 1625/QĐ-UBND; 166/5/2023	34.569,444	7.450,920	6.800,000	2.951,000	349,000	3.300,000	
10	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lê Đại Càng	Sở VH TT	169/QĐ-SKHĐT ngày 07/7/2023	4.600,000	4.600,000	4.600,000		1.500,000	1.500,000	
II	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT									
	Điều chỉnh giảm							-61.953,900		
	ĐỀ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG Y TẾ CƠ SỞ CỦA TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2022-2025							-22.910,000		
	Dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư									
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Cát Minh	UBND huyện Phú Cát					500,000	-450,000	50,000	
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Nghi	UBND huyện Tây Sơn					2.000,000	-1.800,000	200,000	
3	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Sơn	UBND huyện Vĩnh Thạnh					1.000,000	-900,000	100,000	
4	Cải tạo, NC Trạm y tế phường Nhơn Phú	UBND thành phố Quy Nhơn					400,000	-360,000	40,000	
5	Cải tạo, NC Trạm y tế phường Trần Quang Diệu	UBND thành phố Quy Nhơn					400,000	-360,000	40,000	
	Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu									
6	Xây dựng mới trạm y tế thị trấn Tuy Phước	UBND huyện Tuy Phước					1.800,000	-1.260,000	540,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn NST năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn NST năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Xây dựng mới Trạm y tế xã Nhơn Châu	UBND thành phố Quy Nhơn					1.200,000	-840,000	360,000	
3	Xây dựng mới Trạm y tế phường Hoài Hương	UBND TX Hoài Nhơn					1.200,000	-840,000	360,000	
4	Xây dựng mới Trạm y tế phường Nhơn Hưng	UBND TX An Nhơn					1.200,000	-840,000	360,000	
5	Xây dựng mới Trạm y tế xã Nhơn Hậu	UBND TX An Nhơn					1.200,000	-840,000	360,000	
6	Xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Phú Mỹ	UBND huyện Phú Mỹ					1.600,000	-1.120,000	480,000	
7	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Đức	UBND huyện Phú Mỹ					600,000	-420,000	180,000	
8	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Thành	UBND huyện Phú Mỹ					600,000	-420,000	180,000	
9	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Thắng	UBND huyện Phú Mỹ					600,000	-420,000	180,000	
10	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Mỹ Hòa	UBND huyện Phú Mỹ					600,000	-420,000	180,000	
11	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cát Nhơn	UBND huyện Phù Cát					1.800,000	-1.260,000	540,000	
12	Xây dựng mới Trạm y tế xã Cát Lâm	UBND huyện Phù Cát					1.800,000	-1.260,000	540,000	
13	Xây dựng mới Trạm y tế xã Vĩnh Thịnh	UBND huyện Vĩnh Thạnh					3.000,000	-2.100,000	900,000	
14	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Kim	UBND huyện Vĩnh Thạnh					1.000,000	-700,000	300,000	
15	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	UBND huyện Vĩnh Thạnh					1.000,000	-700,000	300,000	
16	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Canh Hiền	UBND huyện Vân Canh					1.000,000	-700,000	300,000	
17	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Canh Thuận	UBND huyện Vân Canh					1.000,000	-700,000	300,000	
18	Xây dựng mới Trạm y tế xã An Quang	UBND huyện An Lão					1.000,000	-700,000	300,000	
19	Xây dựng mới Trạm y tế xã An Trung	UBND huyện An Lão					1.000,000	-700,000	300,000	
20	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Thạnh	UBND huyện Tây Sơn					2.000,000	-1.400,000	600,000	
21	Xây dựng mới Trạm y tế xã Bình Tường	UBND huyện Tây Sơn					2.000,000	-1.400,000	600,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mỗi giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn NST năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn NST năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
b	ĐỀ ÁN ĐẢM BẢO CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON VÀ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2022-2025							-33.500,000		
	<i>Dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư</i>									
1	Trường MN Canh Thuận (Hạng mục: 02 phòng học; nhà bếp, nhà ăn; nhà hiệu bộ; nhà chức năng; nhà thường trực)	UBND huyện Vân Canh					3.000,000	-2.700,000	300,000	
	<i>Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa phê duyet dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu</i>									
1	Trường THPT số 3 An Nhơn, thị xã An Nhơn; HM: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	Sở GD&ĐT					3.000,000	-2.100,000	900,000	
2	Trường THPT số 2 An Nhơn, thị xã An Nhơn; HM: Nhà hiệu bộ	Sở GD&ĐT					2.500,000	-1.750,000	750,000	
3	Trường THPT Võ Giừ, huyện Hoài Ân; HM: Nâng cấp, cải tạo Nhà bộ môn thành Nhà hiệu bộ	Sở GD&ĐT					2.000,000	-1.400,000	600,000	
6	Trường THCS Mai Xuân Thưởng, Hạng mục: 04 phòng bộ môn, chức năng	UBND huyện Tây Sơn					2.000,000	-1.400,000	600,000	
7	Trường MN Tây Xuân, Hạng mục: 04 phòng học, 03 phòng bộ môn, chức năng	UBND huyện Tây Sơn					2.800,000	-1.960,000	840,000	
8	Trường TH Tây Xuân, Hạng mục: 02 phòng học, 04 phòng chức năng	UBND huyện Tây Sơn					2.000,000	-1.400,000	600,000	
9	Trường Mẫu giáo Mỹ Thắng, hạng mục 04 phòng học và 02 phòng chức năng	UBND huyện Phù Mỹ					1.400,000	-980,000	420,000	
10	Trường Mẫu giáo Mỹ Chánh Tây, hạng mục: 01 phòng đa chức năng; khối hành chính, quản trị và khối phụ trợ	UBND huyện Phù Mỹ					1.000,000	-700,000	300,000	
11	Trường tiểu học số 2 Mỹ Thắng, hạng mục: 06 phòng bộ môn	UBND huyện Phù Mỹ					1.300,000	-910,000	390,000	
12	Trường tiểu học Mỹ Lộc, hạng mục: 06 phòng bộ	UBND huyện Phù Mỹ					1.300,000	-910,000	390,000	
13	Trường MCH Cát Tường (HM: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng - 02 phòng chức năng dẫn các điểm trường lẻ về điểm trường Phú Gia)	UBND huyện Phù Cát					2.500,000	-1.750,000	750,000	
14	Trường THCS Cát Hanh (HM: Xây dựng bổ sung 06 phòng bộ môn)	UBND huyện Phù Cát					1.500,000	-1.050,000	450,000	

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn NST năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn NST năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/ tháng/ năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Trường TH số 2 Phước Thành: Xây dựng bổ sung 2T6P (05 phòng chức năng + 01 phòng học) điểm chính	UBND huyện Tuy Phước					1.200,000	-840,000	360,000	
16	Trường TH số 1 Phước An: Xây dựng bổ sung thêm 2T6P (03 phòng chức năng + 03 phòng học) tại điểm An Hoà	UBND huyện Tuy Phước					1.200,000	-840,000	360,000	
17	Trường MN thị trấn Diêu Trì: Xây dựng bổ sung 2T4P (02 phòng chức năng+02 phòng học) tại điểm chính	UBND huyện Tuy Phước					800,000	-560,000	240,000	
18	Trường MN Phước Lộc: Xây dựng bổ sung 2T4P (02 phòng học nhập điểm + 01 phòng học nhóm trẻ + 01 phòng chức năng) tại điểm phụ Đại Tín	UBND huyện Tuy Phước					800,000	-560,000	240,000	
19	Trường TH số 1 Canh Vinh; Hạng mục: 06 phòng học	UBND huyện Văn Canh					2.000,000	-1.400,000	600,000	
20	Trường THCS thị trấn Vĩnh Thạnh: Xây dựng 08 phòng bộ môn, chức năng	UBND huyện Vĩnh Thạnh					2.500,000	-1.750,000	750,000	
21	Trường MN thị trấn Vĩnh Thạnh (Điểm trường chính): Xây dựng 01 phòng đa năng, 01 phòng tin học	UBND huyện Vĩnh Thạnh					800,000	-560,000	240,000	
22	Trường THCS Vĩnh Hào: Xây dựng 05 phòng bộ môn, chức năng	UBND huyện Vĩnh Thạnh					1.700,000	-1.190,000	510,000	
23	Trường MN An Hòa: Xây dựng 01 phòng hội đồng, 01 phòng GD nghệ thuật	UBND huyện An Lão					700,000	-490,000	210,000	
24	Trường THCS An Hòa: Xây dựng 04 phòng học, 04 phòng bộ môn	UBND huyện An Lão					1.000,000	-700,000	300,000	
25	Trường Tiểu học Nhơn Phúc: Nhà 02 tầng 06 phòng - Điểm chính Mỹ Thạnh	UBND TX An Nhơn					600,000	-420,000	180,000	
26	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Hòa: Nhà 02 tầng 06	UBND TX An Nhơn					600,000	-420,000	180,000	
27	Trường Tiểu học Nhơn Mỹ: Nhà 02 tầng 06 phòng	UBND TX An Nhơn					600,000	-420,000	180,000	
28	Trường Tiểu học Nhơn Hạnh: Phân hiệu Thanh Mai	UBND TX An Nhơn					600,000	-420,000	180,000	
29	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Thánh: Phân hiệu Tiên Hội	UBND TX An Nhơn					600,000	-420,000	180,000	
30	Trường THCS Tam Quan, HM: Nhà hiệu bộ	UBND TX Hoài Nhơn					700,000	-490,000	210,000	
31	Trường MN Bồng Sơn (HM: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng; Nhà hiệu bộ 06 phòng)	UBND TX Hoài Nhơn					3.000,000	-2.100,000	900,000	

Handwritten signature and stamp

STT	Danh mục/Nguồn vốn	Đầu mối giao kế hoạch	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư			Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn NST năm 2023	Điều chỉnh kế hoạch: tăng (+), giảm (-)	Kế hoạch vốn NST năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số QĐ, ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
32	Trường TH số 1 Hoài Mỹ, HM: Nhà lớp học, nhà bộ	UBND TX Hoài Nhơn					1.300,000	-910,000	390,000	
c	CÁC DỰ ÁN KHÔNG THUỘC ĐỀ ÁN							-5.543,900		
1	Hỗ trợ hợp tác bên Lào	Sở KH&ĐT				7.500,000	1.500,000	-1.500,000	0,000	
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước huyện Vĩnh Thạnh	UBND huyện Vĩnh Thạnh				18.000,000	3.000,000	-2.100,000	900,000	
3	Hiện đại hóa các trang TB phòng họp của VP UBND tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	VP UBND tỉnh				15.000,000	2.777,000	-1.943,900	833,100	
*	Điều chỉnh tăng							61.953,900		
1	Chương trình BTXM giao thông nông thôn và KCH kênh mương	Sở Tài chính				500.000,000	80.000,000	19.283,086	99.283,086	
-	Thanh toán khối lượng xi măng Chương trình Bê tông hóa GTNT và Kiên cố hóa kênh mương năm 2022							10.000,000		
-	Hoàn trả tạm ứng khối lượng xi măng và cước vận chuyển thực hiện Chương trình Bê tông hóa giao thông nông thôn và Kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn tỉnh năm 2022							9.283,086		
2	Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	Ban QLDA GT	30/NQ-HĐND; 02/7/2021; 23/NQ-HĐND; 20/7/2022	1.490.164,000	600.000,000	210.000,000	140.200,000	22.670,814	162.870,814	
3	Dự án Đường Diên Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Văn	Ban QLDA GT	4486/QĐ-UBND; 30/10/2020	519.798,934	519.798,934	445.199,000	100.000,000	10.000,000	110.000,000	
4	Dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định	Ban QLDA GT	3885/QĐ-UBND; 23/11/2022 29/NQ-HĐND; 14/7/2023	1.171.000,000	371.000,000	211.995,000	117.100,000	10.000,000	127.100,000	

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TỈNH KẾ HOẠCH NĂM 2023
HỖ TRỢ CÁC XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO, NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU CỦA
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG							30.000,00
A	Hỗ trợ xã thực hiện nông thôn mới nâng cao							29.135,00
I	Huyện Phù Mỹ							2.830,00
1	Xã Mỹ Quang							1.415,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Nâng cấp mở rộng đường từ nhà ông Hưng đến cổng làng văn hóa thôn Tân An	Thôn Tân An	2022	213/QĐ-UBND ngày 12/05/2022	1.032	510	522	200,00
	BTXM nhà ông Chúng đến trụ sở thôn Trung Thành 4	Thôn Trung Thành 4	2022	444/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.690	845	845	135,00
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu sắt đến trạm hạ thế thôn Tường An	Thôn Tường An	2022	333/QĐ-UBND ngày 08/7/2022	603	301	302	120,00
	Tuyến đường từ nhà ông Dục đến Đồng Thâm Long	Trung Thành 2	2022	548/QĐ-UBND ngày 15/09/2022	971	485	486	190,00

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tuyến đường từ Cầu Nhỏ đến Vùng nam cải tạo	Trung Thành 3	2022	530/QĐ-UBND ngày 12/09/2022	604	302	302	120,00
	Tuyến đường từ nhà ông Hà đến Đập dạng	Bình trị	2022	572/QĐ-UBND ngày 17/09/2022	931	465	466	180,00
	Tuyến đường từ ngõ Liêm đến Rẫy	Tân An	2022	524/QĐ-UBND ngày 09/09/2022	786	393	393	150,00
	BTXM từ nhà ông Quyết đến thôn Trung Thành 2	Trung Thành 2	2022	245/QĐ-UBND ngày 03/6/2023	1.699	849	850	100,00
	Tiêu chí 05: giáo dục							
	Xây dựng mới tường rào, cổng ngõ trường tiểu học Mỹ Quang	Trung Thành 1	2022	655/QĐ-UBND ngày 11/10/2022	1.171	585	586	220,00
2	Xã Mỹ Châu							
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Tuyến từ ngã ba đường Vạn An -Phú Thứ (Trà Thung) đến giáp nhà văn hóa thôn Châu Trúc	Trà Thung	2021-2022	8505/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3.571	550	3.021	550,00

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nâng cấp mở rộng tuyến từ Quốc Lộ 1A nhà bà Lý đến trụ sở thôn Vạn Thiện	Vạn Thiện	2021-2022	591/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	1.260	239	1.021	250,00
	Nâng cấp mở rộng tuyến nhà Sơn đến trụ sở đến trụ sở thôn Quang Nghiễm	Quang Nghiễm	2021-2022	527/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	1.466	553	913	100,00
	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Vạn An (Đoạn 1: Từ nhà ông Cương đến giáp mương Gò Me; Đoạn 2 từ quán nhà Ông Phùng đến giáp mương Vạn Phú; Đoạn 3 từ nhà Ông Phú Sen đến giáp mương Vạn Phú; Đoạn 4 Từ đường Vạn An Phú Thứ đến giáp mương Vạn Phú Gò Phù.	Vạn An Xã Mỹ Châu	2023		1.150	0	1.150	350,00
	Đường BTXM Trục chính nội đồng Trà Thung (Đoạn 1 Từ nhà Đức vinh đến ruộng Ông Xuân : Đoạn 2 Từ Nhà Ông Văn đến ruộng Ông Thi	Trà Thung Xã Mỹ Châu	2023		611	0	611	165,00
II	Thị xã Hoài Nhơn							3.200,00
I	Xã Hoài Châu Bắc							3.000,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Thảm bê tông nhựa tuyến đường số 02 (đoạn qua địa phận xã Hoài Châu Bắc)	Thôn Liễu An Nam	2023	5374/QĐ-UBND; 11/04/2023	4.141	1.659	2.482	1.377,90
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐT 638 (ngõ Tứ)-giáp xã Hoài Châu	Thôn Gia An Man	2023-2024	246/QĐ-UBND; 30/06/2023	3.755	756	2.999	756,20
	Tiêu chí 14: y tế							



Thư
Trang 3/16

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Trạm y tế xã Hoài Châu Bắc, Thị xã Hoài Nhơn	Thôn Quy Thuận	2022-2023	162/QĐ-SKHĐT; 30/08/2022	5.000	2.000	3.000	865,90
2	Xã Hoài Hải							200,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường dọc biển từ Sân vận động xã đến Mũi Gành thôn Diêu quang	Thôn Diêu Quang	2022-2023	247/QĐ-UBND ngày 21/4/2023	1.059	0	1.059	200,00
III	Thị xã An Nhơn							9.030,00
1	Xã Nhơn Khánh							3.000,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Tuyến đường nội đồng từ khu dân cư cầu Phụ Ngọc đến đường liên thôn Hiếu An - Quan Quang (Điểm đầu: Khu dân cư Cầu Phụ Ngọc - Điểm cuối: Đường liên thôn Hiếu An - Quan Quang)	Hiếu An, Quan Quang	2021	1207/QĐ-UBND ngày 21/10/2021	1.390	549	841	350,00
	Tuyến đường nội đồng thôn Hiếu An (Điểm đầu: Nhà ông Phục - Điểm cuối: Nhà ông Dũng)	Hiếu An	2021	1208/QĐ-UBND ngày 21/10/2021	877	350	527	350,00
	Đường BTXM giao thông xã Nhơn Khánh Tuyến đường từ Cửa hàng cũ đi trạm bơm xóm 2, An Hoà (Điểm đầu: Cửa hàng cũ - Điểm cuối: Trạm bơm xóm 2)	An Hòa	2023	397/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	199	79	120	79,00

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Bê tông xi măng đường nội đồng thôn Quan Quang (Điểm đầu: Nhà ông Dương Thuận – Điểm cuối: Mương cấp 1)	Quan Quang	2023	560/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	348	100	248	100,00
	Bê tông xi măng đường nội đồng (Điểm đầu: Ngã 3 nhà Hà Ngọc Anh – Điểm cuối: trạm bơm xóm 3, thôn Quan Quang)	Quan Quang	2023	378A/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	372	125	247	125,00
	Tiêu chí 04: điện							
	Hệ thống điện chiếu sáng từ ngã 3 đường ĐT 636 (Từ nhà ông Bính đến ngã ba nhà ông Việt) thôn Khánh Hòa, xã Nhơn Khánh	Khánh Hòa	2022	40/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	363	145	218	145,00
	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ ĐT 636 đến cầu Khánh Mỹ	Quan Quang	2021	1345/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	794	310	484	310,00
	Hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng khu dân cư Khánh Hòa, xã Nhơn Khánh	Khánh Hòa	2022	số 306/QĐ-UBND ngày 08/7/2022	838	145	693	145,00
	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ nhà văn hóa thôn An Hòa đến đường bê tông đi chùa Kim An	An Hòa	2023	201/QĐ-UBND ngày 17/3/2023	692	195	497	195,00
	Tiêu chí 6: văn hóa							
	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa - thể thao xã Nhơn Khánh	Khánh Hòa	2023	373/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	329	132	197	132,00

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Đầu tư cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa khu thể thao 04 thôn	Quan Quang, Hiếu An, Khánh Hoà, An Hoà	2023	372/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	1.203	481	722	481,00
	Tường rào, cổng ngõ Nhà văn hóa thôn An Hòa và tường rào, cổng ngõ điểm trường mẫu giáo thôn An Hòa.	An Hòa	2022	548/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	728	173	555	173,00
	Tiêu chí 07: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn							
	Nhà vệ sinh chợ Cây Bông	Hiếu An	2023	197/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	540	215	325	215,00
	Tiêu chí 17: Môi trường							
	Xây dựng các hố pi thu gom chai, lọ thuốc bảo vệ thực vật	Quan Quang, Hiếu An, Khánh Hoà, An Hoà	2023	374a/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	520	200	320	200,00
2	Xã Nhơn Tân3.000,00							
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Xây dựng BTXM tuyến đường nội đồng: tuyến Từ Kênh N6 đến xóm Xuân Thạnh	Thôn Nam Tượng 1	2023	50/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	597	190	407	190,00

th *mc*

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Xây dựng BTXM tuyến đường nội đồng từ nhà ông Bạch Văn Thành đến kênh N4	Thôn Nam Tượng 3	2023	51/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	412	140	272	140,00
	Xây dựng BTXM tuyến từ đường nội đồng Tráng Long Nhon Lộc đến Miếu Xuân Điền	Thôn Nam Tượng 1	2023	52/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	579	180	399	180,00
	Xây dựng cấp phối đất đường giao thông nội đồng: Tuyến từ Vườn Đồn đến dốc Ông Thà	Thôn Nam Tượng 3	2023	53/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	672	200	472	200,00
	Xây dựng nâng cấp, mở rộng giao thông tuyến An Tượng B, Nam Tượng 3 (Điểm đầu: Nhà ông Trần Thanh Tú - Điểm cuối: Nhà ông Trần Văn Chín)	Thôn Nam Tượng 3	2022	214/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	3.115	720	2.395	720,00
	Tiêu chí 06: văn hóa							
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Nam Tượng 1	Thôn Nam Tượng 1	2023	71/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	610	200	410	200,00
	Xây dựng sân thể thao thôn Nam Tượng 1	Thôn Nam Tượng 1	2023	72/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	216	70	146	70,00
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Nam Tượng 2	Thôn Nam Tượng 2	2023	73/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	614	200	414	200,00



Handwritten signature and initials.

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Sửa chữa Nhà văn hóa thôn Nam Tượng 3	Thôn Nam Tượng 3	2023	74/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	605	200	405	200,00
	Xây dựng sân thể thao thôn Nam Tượng 3	Thôn Nam Tượng 3	2023	75/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	165	50	115	50,00
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Thọ Tân Bắc	Thôn Thọ Tân Bắc	2023	76/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	684	220	464	220,00
	Xây dựng sân thể thao thôn Thọ Tân Bắc	Thôn Thọ Tân Bắc	2023	77/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	546	180	366	180,00
	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Thọ Tân Nam	Thôn Thọ Tân nam	2023	78/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	654	200	454	200,00
	Xây dựng sân thể thao thôn Thọ Tân Nam	Thôn Thọ Tân Nam	2023	79/NQ-HĐND ngày 20/7/2023	760	250	510	250,00
3	Xã Nhơn Phong							200,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Thanh Giang - Trung Định	Thanh Giang	2023	427/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	10.637	907	9.730	200,00
4	Xã Nhơn Lộc							1.415,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐT.638 đến tuyến đường ĐH.39 (Tân Lập - An Thành)	Tân Lập, An Thành	2022	709/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	13.112	870	12.242	415,00
	Đầu tư hạ tầng làng nghề rượu Bàu Đá; Hạng mục: Nhà thờ Tổ - Sân nền - Bàu Đá - Sửa chữa Miếu Thành Hoàng	Thôn Cù Lâm	2020-2021	253/QĐ-UBND ngày 20/04/2020	4.919	1.130	3.789	1.000,00
5	Xã Nhơn An							1.415,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Bê tông xi măng mở rộng tuyến đường từ ĐH35 đến khu giết mổ động vật tập trung thôn Tân Dương	Thôn tân Dương	2022-2023	957/QĐ-UBND ngày 14/07/2022	12.418	1.300	11.118	715,00
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông đoạn từ ngã tư đường mới thôn Háo Đức đến quán bầu sáo (giai đoạn 3)	Thôn Háo Đức	2022-2023	1074/QĐ-UBND ngày 30/08/2022	14.450	700	13.750	700,00
IV	Huyện Tuy Phước							6.030,00



TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xã Phước Hưng							3.000,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Quảng Nghiệp; Tuyến từ đường liên xã (cây xăng Trường Út) đến xóm 4 Quảng Nghiệp	Quảng Nghiệp	2023-2024	4059/QĐ-UBND ngày 12/6/2023	6.300	1.500	4.800	1.500,00
	Tiêu chí 05: giáo dục							
	Trường tiểu học số 1 Phước Hưng; hạng mục: San nền, Tường rào cổng ngõ, cảnh quang	Quảng nghiệp	2023-2024	4862/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	5.685	1.500	4.185	1.500,00
2	Xã Phước Sơn							200,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Mở rộng, nâng cấp đường BTXM xóm 3 Mỹ Cang (nhà ông Hải - nội xóm)	Mỹ Cang	2022-2023	2300/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	1.518	0	1.518	200,00
3	Xã Phước Quang							1.415,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ trung tâm xã đến Tri Thiện (giáp Tây Đầm)	Tri Thiện; Lộc Ngãi; Định Thiện Đông	2023 - 2024	6885/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND huyện	8.529	0	8.529	1.415,00
4	Xã Phước Nghĩa							1.415,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 640 đến nhà bà Chuyển xóm Hương Sơn (giai đoạn 2)	Thôn Hưng Nghĩa	04/11/2022-02/01/2023	631/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND xã	1.734	400	1.334	215,00
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đê kết hợp giao thông (đoạn bờ Nam thượng lưu cầu sông Tranh xã Phước Nghĩa)	Hưng Nghĩa	26/7/2022-25/9/2022	1418/QĐ-UBND ngày 14/04/2022 của UBND huyện	1.293	400	893	400,00
	Nâng cấp, mở rộng và thảm nhựa tuyến ĐH 42 đến nhà ông Chuyển	Thôn Hưng Nghĩa	16/11/2022-15/01/2023	5854/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện	1.472	500	972	400,00
	Tiêu chí 06: văn hóa							

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Xây dựng chính trang công viên trước UBND xã, nhà văn hóa 03 thôn	Thôn Thọ nghĩa, Hưng nghĩa ; Huỳnh Mai	06/10/2022-16/11/2022	2726/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND huyện	1.160	400	760	400,00
								1.615,00
V	Huyện Hoài Ân							1.415,00
1	Xã Ân Tường Tây							
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Tuyến từ nhà ông Cường- nhà ông Biên	Phú Khương	25/12/2021-24/02/2022	1264/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	986	500	486	250,00
	Tuyến đường từ nhà ông Hùng-đường vào BQT cũ	Hà Tây	25/12/2021-24/02/2022	1123/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	1.061	300	761	265,00
	Từ đường BQT cũ-nhà ông Cường	Hà Tây	25/12/2021-24/02/2022	1223/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	1.019	300	719	300,00
	Tuyến từ nhà ông Tiên-trường Tiểu học	Phú Hữu 2	2021-2022	1124/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	1.080	300	780	300,00
b	Nội dung thành phần số 07 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tiêu chí 17: Môi trường							
	Nâng cấp sửa chữa Nghĩa trang liệt sỹ xã Ân Tường Tây	Hà Tây	2022-2022	54/QĐ-UBND ngày 13/3/2019	800	300	500	300,00
2	Xã Ân Tín							200,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM tuyến từ ngã 3 ông Học đến Suối Le (đoạn 2)	Vĩnh Đức	02/12/2022-01/03/2023	3469/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	4.991	2.000	2.991	200,00
VI	Huyện Phù Cát							4.815,00
1	Xã Cát Trinh							3.000,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							
	Tên dự án: Đường BTXM GTNT xã Cát Trinh. Tuyến từ nhà ông Lê Văn Đây đến nhà thầy Khai	An Đức	2023	68/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	783	350	433	350,00
	Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường BTXM. Tuyến từ nhà ông Nguyễn Tư đến nhà bà Trầm xóm 1 Phú Kim.	Phú Kim	2023	261/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	1.185	500	685	500,00
	Tiêu chí 03: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai							

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tên dự án: Mương thoát nước từ điểm trường mẫu giáo xóm 1, 2 đến phía Nam nhà ông Mạc Thung thôn Phú Kim	Phú Kim	2022	356/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	1.084	150	934	150,00
	Tên dự án: Nối tiếp mương thoát nước từ QL 1A về xóm 2 thôn Phú Kim	Phú Kim	2021	2688/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	1.771	200	1.571	200,00
	<i>Tiêu chí 05: giáo dục</i>							
	Trường THCS Cát Trinh, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (4 phòng học, 4 phòng bộ môn)	Phú Kim	2023	275/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	6.706	1.800	4.906	1.800,00
								1.415,00
2	Xã Cát Hanh							
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>							
	<i>Tiêu chí 02: giao thông</i>							
	Hệ thống đường giao thông khu Trung tâm Chợ Gồm; HM: Mở rộng mặt đường BT XM, thảm nhựa và hệ thống thoát nước dọc	Vĩnh Trường	2023	447/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	13.312	2.000	11.312	1.000,00
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường</i>							
	Xây dựng hoa viên, công viên cây xanh và hệ thống thoát nước	Vĩnh Trường	2022-2023	495/QĐ-UBND ngày 04/10/2022	7.733	3.437	4.296	415,00
								200,00
3	Xã Cát Minh							
a	<i>Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)</i>							

Trang 14/

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tiêu chí 05: giáo dục							
	Trường mẫu giáo bán trú xã Cát Minh (điểm trường Gia Thạnh)-Hạng mục: Hệ thống thoát nước, nhà bảo vệ, lát gạch sân trường, cổng phụ, bê tông lối vào, xây bồn hoa + cây cảnh	Gia Thạnh	2023	35/NQ-HĐND ngày 14/7/2023	1.200	200	1.000	200,00
4	Xã Cát Hưng							200,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 05: giáo dục							
	Tăng cường cơ sở vật chất cácTrường Mầm non trên địa bàn huyện Phù Cát. (Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Hưng - Nhà lớp học 02 tầng, 06 phòng + 01 phòng chức năng + 01 phòng kho)	Hưng Mỹ 2	2021-2023	2678/QĐ-UBND ngày 02/8/2021	28.489	200	28.289	200,00
VII	Huyện Tây Sơn							1.615,00
1	Xã Bình Tường							1.415,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 06: Văn hóa							
	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Bình Tường	Hòa Trung	2023	492/QĐ-UBND, 30/12/2022	8.837	2.918	5.919	1.415,00
2	Xã Tây Phú							200,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 02: giao thông							

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn/ xã)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Phân bổ chi tiết vốn đã phân bổ tại Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh
				Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư/ Tổng dự toán/ Khái toán	Trong đó:		
						Vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn ngân sách cấp huyện, ngân sách xã; vốn lồng ghép, vốn huy động hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	BTGT từ Trần Lâm đến đường bê tông xóm Chuồng Gà	Phú Thọ	2022-2023	622/QĐ-UBND ngày 16/11/22	978	100	878	100,00
	BTGT từ cầu Hóc La đến ngã tư đường vào Gò Cây	Phú Thọ	2023	20/QĐ-UBND ngày 10/02/23	1.189	215	974	100,00
B	Hỗ trợ xã thực hiện nông thôn mới kiểu mẫu							865,00
I	Huyện Tuy Phước							865,00
1	Xã Phước Quang							865,00
a	Nội dung thành phần số 02 (theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)							
	Tiêu chí 05: giáo dục							
	Xây dựng bê tông sân trường, hệ thống thoát nước trường THCS Phước Quang	Định Thiện Đông	2023	191/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	1.161	0	1.161	435,00
	Tiêu chí 06: Văn hóa							
	Xây dựng tường rào, cổng ngõ và nâng mặt bằng Khu thể thao thôn Văn Quang	Văn Quang	2023	55/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	1.000	0	1.000	430,00


